TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2022/DS-PT
Ngày: 17-8-2022
V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Những

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2022/TLPT-DS ngày 7 tháng 7 năm 2022, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 257/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1953;

Địa chỉ: A, đường Q, Phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn M, sinh năm: 1939;

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm: 1977; Địa chỉ: số B, đường N, tổ C, khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Văn bản ủy quyền ngày 29/01/2021 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thụ H, sinh năm: 1952;

Địa chỉ cư trú: B, khu phố C, phường T, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

2. Bà Võ Thị B, sinh năm: 1947l;

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm: 1977; Địa chỉ: số B, đường N, tổ C, khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Văn bản ủy quyền ngày 29/01/2021 (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Quang K, sinh năm: 1946;

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

2. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1952;

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1952;

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

4. Ông Hoàng Văn H, sinh năm: 1943;

Địa chỉ: Khu phố H 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An; (vắng mặt);

5. Bà Huỳnh Thị Phượng M, sinh năm: 1960;

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thụ H và ông Huỳnh Văn M đều là con ruột của ông Huỳnh Văn Vui. Nguồn gốc thửa đất 744 đang tranh chấp là do Nhà nước cấp cho ông Vui. Ông Vui được Cách mạng cấp là 20 công nhỏ (diện tích 01 công nhỏ là 625m$^{2)}$ vào năm 1963; Bà H, bà H không biết rõ số thửa từng loại đất được cấp. Thời điểm này, bà H và bà H còn nhỏ, sống chung với ông Vui.

Năm 1973, ông Huỳnh Văn Vui chết, bà H và bà H tiếp tục canh tác lúa trên phần đất tranh chấp. Việc ông Vui cho đất bà H, bà H chỉ là nói miệng, không có văn bản thể hiện việc tặng cho. Do bà H phục vụ Cách mạng nên đến năm 1975 bà không canh tác nữa, bà H giao đất lại cho bà H. Bà H quản lý, canh tác lúa từ năm 1975 đến năm 1978 thì bà H bận chuyện gia đình, bà H và bà H giao đất lại cho ông Huỳnh Văn M mượn để canh tác và sử dụng từ năm 1978 đến nay. Việc cho ông M mượn đất không có lập văn bản thể hiện.

Về sau, ông M đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông M có báo cho bà H, bà H sự việc này. Bà H cũng thống nhất, bà H xác định bà không có đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 744. Năm 1997, bà H và bà H nhờ vợ chồng ông M chuyển nhượng dùm một phần đất 10 công nhỏ thuộc thửa 873; 947 với tổng diện tích 6.971m^2 đất với giá 20.000.000đồng. Ông M đưa cho bà H và bà H là 20.000.000đồng. Bà H và bà H, mỗi người nhận 10.000.000đồng. Nay bà H và bà H yêu cầu ông M trả lại phần đất thuộc thửa 744 cho

bà H và bà H để chuyển nhượng tiếp nhưng ông M không đồng ý. Bà H thống nhất với kết quả đo đạc, định giá do Tòa án trưng cầu.

Tại đơn khởi kiện, bà H khởi kiện yêu cầu ông M trả lại thửa đất số 744, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.509m^2, đất tại ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện C, tỉnh Long An. Qua đo đạc thực tế, bà Huỳnh Thị H yêu cầu ông Huỳnh Văn M và bà Võ Thị B trả lại thửa đất số 744, tờ bản đồ số 3, loại đất lúa, diện tích đo đạc thực tế là 2.851m^2, đất tại ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn M và bà Võ Thị B thống nhất trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ông Huỳnh Văn M là chủ sử dụng các thửa đất gồm: Thửa đất 580, diện tích 2.897m^2, loại đất vườn; Thửa đất 581, diện tích là 571m^2, loại đất thổ; Thửa đất số 121, diện tích 4.096m^2, loại đất Lúa; Thửa đất 658, diện tích 2.197m^2, loại đất Lúa; Thửa đất 701, diện tích 2.497m^2; loại đất Lúa; Thửa đất số 744, diện tích 3.709m^2, loại đất Lúa; Thửa đất số 873, diện tích 4.879m^2; Thửa đất 947, diện tích 2092m^2; được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/12/1996. Trước đó, các thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng. Về nguồn gốc: Thửa đất 580 thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn Bảy nhưng Nhà nước cấp nhầm cho ông M; Thửa đất 581 là do cha mẹ vợ tặng cho vợ chồng ông M; Thửa 121 là Cách mạng chia cho vợ chồng ông M năm 1972; các thửa đất 658; 701; 744; 873; 947 là Cách mạng chia cho gia đình ông Huỳnh Văn Vui. Hiện thửa 580; 121; 581; 658; 701; 873; 947 ông M đã chuyển nhượng cho người khác. Trong đó, số tiền chuyển nhượng thửa 873 và 947 là 20.000.000đồng thì ông M đã đưa cho bà H và bà H. Việc ông M đưa tiền cho hai bà, do phần đất thuộc thửa 873 và 947 là phần đất có vị trí cao, canh tác không có hiệu quả; khi Cách mạng chia đất cho gia đình ông Vui thì các anh em trong nhà có sử dụng chung trong đó có bà H, bà H, trước khi ông Vui chết ông Vui không cho đất cho bà H và bà H như lời trình bày bà H và bà H. Hiện nay ông M chỉ còn là chủ sử dụng thửa 744 đang tranh chấp. Ông M trực tiếp sử dụng thửa đất 744 ổn định từ khi ông Vui chết đến nay không ai tranh chấp.

Nay bà H và bà H yêu cầu ông M trả lại thửa 744, diện tích qua đo đạc 2.851m^2 với lý do bà H và bà H được ông Vui cho đất và bà H, bà H giao đất cho ông M mượn để sử dụng là không có cơ sở. Ông M thống nhất với kết quả đo đạc, định giá do Tòa án trưng cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Huỳnh Thụ H trình bày: Bà Huỳnh Thụ H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn M trả lại phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 2851m^2 thuộc thửa đất số 744, tờ bản đồ số 03, loại đất Lúa, đất tọa lạc tại xã Phước Vĩnh Tây, huyện C, tỉnh Long An cho bà H và bà H. Bà H xác định bà không có đi đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 744. Bà thống nhất với lời trình bày của bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H về việc đòi ông Huỳnh Văn M và bà Võ Thị B trả lại quyền sử dụng đất đối với diện tích rút là 658m^2 thuộc một phần thửa đất số 744, tờ bản đồ số 3, đất tại ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện C, tỉnh Long An.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H và bà Huỳnh Thụ H đối với ông Huỳnh Văn M về việc đòi ông Huỳnh Văn M và bà Võ Thị B trả lại quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 744, tờ bản đồ số 3, diện tích qua đo đạc thực tế là 2.851m^2, đất tại ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện C, tỉnh Long An.

3. Vị trí thửa đất tranh chấp theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 110-2021 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 09/02/2021. Vị trí tiếp giáp: Đông giáp thửa 744 (pcl), 785; Tây giáp thửa 743, đường đê ấp 3, nam giáp thửa 785, đường đê ấp 3, Bắc giáp thửa 743; 744 (pcl).

4. Về chi phí đo đạc, định giá và thẩm định với số tiền là 19.850.000đồng. Bà H và bà H phải chịu. Bà H đã nộp đủ nên bà H có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền 9.925.000đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 25/5/2022 bà Huỳnh Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông M và bà B phải trả lại phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 2.851m^2, thuộc thửa 744, tờ bản đồ số 3, loại đất Lúa tại xã Phước Vĩnh Tây, huyện C, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phần tranh luận:

Bà H trình bày: Thửa đất tranh chấp là do Cách mạng cấp cho gia đình ông Huỳnh Văn Vui vào năm 1960, khi đó cả gia đình gồm ông Vui và các con cùng sử dụng chung phần đất này. Trước khi ông Vui chết (ông Vui chết năm 1973) ông Vui có nói miệng là cho bà H và bà H phần đất ông Vui được Cách mạng cấp. Năm 1974 bà H đi theo Cách mạng giao phần đất này lại cho bà H sử dụng. Bà H sử dụng đến năm 1978 thì theo chồng nên giao phần đất này lại cho bà H, bà H không trực tiếp sử dụng nên giao lại cho ông M mượn sử dụng từ năm 1978 cho đến nay. Ông M sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 bà có biết nhưng lúc đó do bà tham gia Cách mạng và nghĩ anh em trong nhà nên không có tranh chấp gì. Nay bà yêu cầu ông M và bà B phải trả lại cho bà và Hiền thửa đất 744 để hai bà chuyển nhượng cho người khác.

Ông L là người đại diện theo ủy quyền của ông M và bà B trình bày: Thửa đất 744 được cách mạng cấp cho gia đình ông Vui vào năm 1960, trong gia đình lúc đó có ông Vui và các con trong đó có ông M cùng sử dụng chung phần đất được cấp. Năm 1973, ông Vui chết các con vẫn trực tiếp sử dụng đất, năm 1974 bà H đi theo cách mạng, đến năm 1978 bà H theo chồng nên chỉ còn ông M trực tiếp sử dụng đất từ năm 1978 ổn định cho đến nay. Năm 1996 ông M đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Năm 1997, do thấy hoàn cảnh của bà H và bà H khó khăn và nghĩ anh em trong nhà nên ông M có chuyển nhượng hai thửa 873, 947 diện tích 6.971m^2 được 20.000.000đồng và ông M đã cho hết số tiền bán đất cho bà H và bà H xây nhà, chỉ còn lại thửa 744, loại đất lúa diện tích theo giấy là 3.709m^2. Bà H và bà H trình bày được cha cho thửa đất 744 nhưng bà H và bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh, thực tế trước khi chết ông Vui không chia đất cho ai. Do đó, ông M

không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà H vì ông M là người trực tiếp sử dụng đất ổn định từ năm 1978 đến nay.

Bà H trình bày: bên ông M nói tự ông M bán đất và cho tiền bà H và Hiền là không đúng, sự thật là do bà H yêu cầu ông M bán đất để đưa tiền cho bà H và bà H vì đất này được cha cho bà H và bà H. Do đó, phần đất còn lại bà H và bà H yêu cầu ông M trả lại.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kháng cáo của bà H đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Bà H yêu cầu ông M trả đất vì cho rằng được ông Vui cho đất và cho ông M mượn đất nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Phần đất tranh chấp gia đình ông Vui được cách mạng cấp vào năm 1960, cả gia đình gồm ông Vui và các con gồm ông M, bà H, bà H sử dụng đất từ năm 1960 đến năm 1973 ông Vui chết, các con tiếp tục sử dụng đất đến năm 1974 bà H đi theo cách mạng, ông M và bà H tiếp tục sử dụng đất, năm 1978 bà H theo chồng về Bắc chỉ còn lại một mình ông M sử dụng đất từ năm 1978 đến nay. Năm 1996 ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H và bà H biết nhưng không phản đối, tranh chấp gì. Năm 1997 ông M bán 2 thửa đất số 873, 947 diện tích 6.971m^2 được 20.000.000đồng và ông M đã cho hết số tiền bán đất cho bà H và bà H xây nhà, chỉ còn lại thửa 744, loại đất lúa diện tích theo giấy là 3.709m^2. Bà H và bà H trình bày được ông Vui cho đất nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị H đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà H yêu cầu ông M và bà B phải trả lại phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 2.851m^2 thuộc thửa 744, tờ bản đồ số 3, loại đất lúa, tại xã Phước Vĩnh Tây, huyện C, tỉnh Long An. Vị trí đất được thể hiện tại vị trí A theo Mảnh trích đo địa chính 110-2021 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 09/02/2021.

[2.1] Về nguồn gốc đất: Bà H, bà H, ông M đều thống nhất nguồn gốc thửa đất số 744, tờ bản đồ số 03, tại xã Phước Vĩnh Tây, huyện C, tỉnh Long An là của Cách mạng cấp cho gia đình của ông Huỳnh Văn Vui vào năm 1960. Sau khi được cấp đất cả gia đình ông Vui trong đó gồm ông Vui, ông M bà H và bà H sử dụng chung đến 1973 ông Vui chết, năm 1974 bà H tham gia cách mạng, ông M và bà H tiếp tục sử dụng đất, đến năm 1978 bà H theo chồng về quê ở Miền Bắc nên chỉ còn một mình ông M sử dụng đất từ năm 1978 đến nay.

[2.2] Về quá trình sử dụng đất: Bà H, bà H và những người làm chứng mà bà H, bà H cung cấp xác định bà H và bà H quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp đến năm

1978. Từ năm 1978 đến nay ông M là người trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định phần đất tranh chấp. Như phần [2.1] đã nhận định ông M cùng ông Vui, bà H, bà H sử dụng đất từ năm 1960 đến năm 1978, từ năm 1978 đến nay chỉ một mình ông M sử dụng đất.

[2.3] Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất tranh chấp chưa có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất mẫu bìa trắng. Năm 1996, ông Huỳnh Văn M đăng ký kê khai và ngày 11/12/1996 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Sau khi ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H và bà H đều biết nhưng không có tranh chấp hay khiếu nại gì. Bà H, bà H xác định không đăng ký kê khai đối với phần diện tích đất tranh chấp. Căn cứ Điều 2 Luật đất đai năm 1993 việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M là đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Bà H và bà H cho rằng phần đất tranh chấp được ông Vui cho trước năm 1975 và sử dụng đến 1978, từ năm 1978 bà H và bà H giao lại cho ông M mượn sử dụng đến nay. Ông M không thừa nhận việc ông Vui cho đất cho bà H và bà H và cũng không thừa nhận mượn đất của bà H và bà H, bà H và bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh được ông Vui cho đất và không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho ông M mượn đất, nên không có cơ sở xác định phần đất tranh chấp là của bà H và bà H cho ông M mượn. Bà H và bà H không sử dụng thửa đất 744 từ năm 1978 đến nay và cũng không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 luật đất đai năm 2003, Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Tại văn bản số 2544 ngày 17/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C cũng xác nhận bà H bà H không đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 744. Như vậy, bà H, bà H không có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với phần diện tích tranh chấp. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H là có căn cứ. Bà H kháng cáo yêu cầu cải sửa bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào mới thể hiện quyền sử dụng đất thửa 744 thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà H nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H.

[2.5] Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị H;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 148, 227, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 182, Điều 221 Bộ luật Dân sự; Điều 2 Luật Đất đai năm 1993, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26,Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H về việc đòi ông Huỳnh Văn M và bà Võ Thị B trả lại quyền sử dụng đất đối với diện tích đã rút là 658m^2 thuộc một phần thửa đất số 744, tờ bản đồ số 3, đất tại ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện C, tỉnh Long An.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H và bà Huỳnh Thụ H đối với ông Huỳnh Văn M về việc đòi ông Huỳnh Văn M và bà Võ Thị B trả lại quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 744, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế là 2.851m^2, tại ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện C, tỉnh Long An.

3. Vị trí thửa đất tranh chấp theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 110-2021 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C phê duyệt vào ngày 09/02/2021.

(Mảnh trích đo được kèm theo bản án này)

Vị trí tiếp giáp: Đông giáp thửa 744 (pcl), 785; Tây giáp thửa 743, đường đê ấp 3; Nam giáp thửa 785, đường đê ấp 3; Bắc giáp thửa 743; 744 (pcl).

4. Về chi phí đo đạc, định giá và thẩm định với số tiền là 19.850.000đồng. Bà H và bà H phải chịu. Bà H đã nộp đủ nên bà H có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền 9.925.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thụ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà H, sinh năm: 1953; bà H, sinh năm: 1952 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Phúc